**THỰC HÀNH VẼ BIỂU ĐỒ CỘT VÀ TRÒN ÔN KIỂM TRA 1 TIẾT**

**Bài tập 1**

Cho bảng số liệu:

Số khách quốc tế vào Việt Nam phân theo phương tiện đến

Đơn vị: %

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương tiện đến** | **2000** | **2005** |
| Tổng số | 100 | 100 |
| * Đường hàng không | 52,0 | 67,1 |
| * Đường thủy | 12,0 | 5,8 |
| * Đường bộ | 36,0 | 27,1 |

a. Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu số khách quốc tế vào Việt Nam phân theo phương tiện năm 2000 và năm 2005

b. Nêu nhận xét

**Bài tập 2**

Cho bảng số liệu:

Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của một số nước, năm 2000

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên nước** | **Chia ra (%)** | | |
| **Khu vực I** | **Khu vực II** | **Khu vực III** |
| Pháp | 5,1 | 27,8 | 67,1 |
| Mê-hi-cô | 28 | 24 | 48 |
| Việt Nam | 68 | 12 | 20 |

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mê-hi-cô, Việt Nam năm 2000. Nhận xét

**Bài tập 4**

Cho bảng số liệu sau:

TÌNH HÌNH KHAI THÁC THAN TRÊN THẾ GIỚI THỜI KÌ 1950 - 2017

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1950 | 1960 | 1990 | 2010 | 2015 | 2017 |
| Sản lượng (triệu tấn) | 1820 | 2603 | 3387 | 7479,3 | 7952,9 | 7704,4 |

*(Nguồn: Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

a. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình khai thác than trên thế giới thời kì 1950 - 2017.

b. Nhận xét tình hình khai thác than trên thế giới thời kì 1950 - 2017.

**Bài tập 5**

Cho bảng số liệu sau:

**CÁC NƯỚC DẪN ĐẦU VỀ KHÁCH DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI, NĂM 2004**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nước** | **Khách du lịch (triệu lượt người)** |
| Pháp | 75,1 |
| Tây Ban Nha | 53,6 |
| Hoa Kỳ | 46,1 |
| Trung Quốc | 41,8 |

**a.** Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện lượng khách du lịch của các nước trên.

**b.** Qua biểu đồ đã vẽ, rút ra nhận xét về lượng khách du lịch của các nước.